

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA QUÁT
MÃ ĐỀ LS&ĐL601**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6
Năm học: 2024 - 2025
Thời gian làm bài: 60 phút
Ngày thi: 29/10/2024**

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Đây là nhược điểm của tư liệu chữ viết?

- A. Tư liệu rõ ràng, chính xác.
- B. Tư liệu “câm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.
- C. Không có tư liệu viết vào thời kỳ khi chưa có chữ viết, nếu viết trên giấy thì khó bảo quản được nguyên vẹn với thời gian dài.
- D. Bổ sung các tư liệu để dựng lại lịch sử.

Câu 2. Môn Lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về nội dung nào?

- A. Tìm hiểu những gì đã xảy ra quanh chúng ta.
- B. Tìm hiểu sự phát triển của con người.
- C. Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người.
- D. Tìm hiểu những hoạt động của loài người.

Câu 3. Đây là ưu điểm của tư liệu truyền miệng?

- A. Tư liệu “câm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.
- B. Nội dung có thể bị thêm, bớt, có yếu tố kì ảo.
- C. Tư liệu rõ ràng, chính xác.
- D. Có thể cho người sau biết được những gì quá khứ đã xảy ra và những gì đã học được và thậm chí có thể tạo ra một câu chuyện mới.

Câu 4. Khi tìm hiểu lịch sử, nguồn tư liệu nào sau đây là đáng tin cậy nhất?

- A. Tư liệu chữ viết
- B. Tư liệu gốc
- C. Tư liệu hiện vật
- D. Tư liệu truyền miệng

Câu 5. Các tác phẩm Đại Việt sử ký, Đại Việt sử ký toàn thư... thuộc loại hình tư liệu nào?

- A. Tư liệu ghi âm.
- B. Tư liệu chữ viết
- C. Tư liệu ghi hình.
- D. Tư liệu truyền miệng.

Câu 6. Âm lịch được tính theo cách nào?

- A. Là cách tính theo chu kỳ Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất.
- B. Là cách tính theo chu kỳ xoay quanh Mặt Trời.
- C. Là cách tính theo chu kỳ Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.
- D. Là cách tính lấy năm chúa Giê-su ra đời.

Câu 7. Quá trình chuyển hóa từ vượn người thành người trải qua các giai đoạn nào?

- A. Người tối cổ => Người tinh khôn => Vượn cổ.
- B. Vượn cổ => Người tinh khôn => Người tối cổ.
- C. Người tối cổ => Vượn cổ => Người tinh khôn.
- D. Vượn cổ => Người tối cổ => Người tinh khôn.

Câu 8. Ai là tác giả của 2 câu thơ sau:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

- A. Võ Nguyên Giáp.
- B. Phạm Văn Đồng.
- C. Trường Chinh.
- D. Hồ Chí Minh

Câu 9. Năm 2021 thuộc thế kỉ thứ bao nhiêu?

- A. Thế kỉ XX
- B. Thế kỉ XXII
- C. Thế kỉ XIX
- D. Thế kỉ XXI

Câu 10. Ý nào sau đây không thuộc về lịch sử?

- A. Các lời tiên tri, dự báo tương lai.
- B. Các cuộc chiến tranh thế giới.
- C. Sự hình thành các nền văn minh.
- D. Hoạt động của một vương triều.

Câu 11. Đây là cách ghi đúng để ghi tỉ lệ bản đồ?

- A. 1x1000.
- B. 1-1000.
- C. 1/1000.
- D. 1:1000.

Câu 12. Cho điểm X (60°B, 35°T), điểm này nằm ở

- A. Bán cầu Bắc và nửa cầu Tây
- B. Bán cầu Nam và nửa cầu Tây.
- C. Bán cầu Bắc và nửa cầu Đông.
- D. Bán cầu Nam và nửa cầu Đông.

Câu 13. Đường kinh tuyến gốc 0° đi qua đài thiên văn Grin-uyt thuộc quốc gia nào sau đây?

- A. Ý.
- B. Anh.
- C. Đức.
- D. Nga.

Câu 14. Đối với bản đồ không có hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến, dựa vào đâu để xác định phương hướng trên bản đồ?

- A. Mũi tên chỉ hướng Đông.
- C. Mũi tên chỉ hướng Tây.

- B. Mũi tên chỉ hướng Bắc.
- D. Mũi tên chỉ hướng Nam.

Câu 15. Các dạng biểu hiện của tỉ lệ bản đồ gồm

- A. tỉ lệ khoảng cách và tỉ lệ thước.
- C. tỉ lệ số và tỉ lệ thức.

- B. tỉ lệ số và tỉ lệ thước.
- D. tỉ lệ thức và tỉ lệ khoảng cách.

Câu 16. Kí hiệu nào sau đây thể hiện một vật (trâu, bò, hươu, gấu) trên bản đồ?

- A. Kí hiệu hình học.
- C. Kí hiệu chữ.

- B. Kí hiệu tượng hình.
- D. Kí hiệu đường.

Câu 17. Khoảng cách được mô tả trên bản đồ có mối quan hệ như thế nào với khoảng cách ngoài thực tế?

- A. Được thu nhỏ theo một tỉ lệ nhất định.
- B. Không có mối liên hệ gì.
- C. Luôn nhỏ hơn.
- D. Có thể giống hoặc khác khoảng cách ngoài thực tế.

Câu 18. Cho biết bản đồ A có tỉ lệ là 1 : 500.000, bản đồ B có tỉ lệ là 1 : 20.000.000. So sánh tỉ lệ và mức độ thể hiện các đối tượng địa lí giữa bản đồ A với bản đồ B.

- A. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.
- B. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.
- C. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.
- D. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.

Câu 19. Các kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc được gọi là kinh tuyến

- A. Đông.
- B. Tây.
- C. Bắc.
- D. Nam.

Câu 20. Dựa vào đâu để xác định vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam

- A. Chí tuyến Nam.
- B. Đường Xích đạo.
- C. Chí tuyến Bắc.
- D. Kinh tuyến gốc.

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai vào giấy kiểm tra.

Câu 1.

- A. Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra cách quãng.
- B. Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước; hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay.
- C. Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất.
- D. Lịch sử giúp chúng ta lặp lại những sai lầm trong quá khứ.

Câu 2.

- A. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.
- B. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc.
- C. Tọa độ địa lí của một điểm là kinh độ, vĩ độ đi qua điểm đó.
- D. Tọa độ địa lí của một điểm là khoảng cách kinh tuyến và vĩ tuyến của điểm đó.

II. TỰ LUẬN(3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a. Lịch sử là gì? Vì sao phải học lịch sử?
- b. Năm 3000 TCN cách năm 2024 bao nhiêu năm?

Câu 2. (1,5 điểm)

- a. Cho bản đồ hành chính Hà Nội ghi tỉ lệ là 1 : 200.000, trên bản đồ đó người ta đo được khoảng cách từ Long Biên đến Đông Anh là 3 cm. Vậy khoảng cách thực tế 2 địa điểm trên là bao nhiêu km?
- b. Tại sao một số vùng đất trên thế giới khi thể hiện trên bản đồ thì hình dạng lại khác với hình dạng thực trên bề mặt đất?

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Năm 2021 thuộc thế kỉ thứ bao nhiêu?

- A. Thế kỉ XXI B. Thế kỉ XIX C. Thế kỉ XXII D. Thế kỉ XX

Câu 2. Các tác phẩm *Đại Việt sử ký*, *Đại Việt sử ký toàn thư*... thuộc loại hình tư liệu nào?

- A. Tư liệu ghi âm. B. Tư liệu chữ viết
C. Tư liệu ghi hình. D. Tư liệu truyền miệng.

Câu 3. Âm lịch được tính theo cách nào?

- A. Là cách tính theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất.
B. Là cách tính theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.
C. Là cách tính lấy năm chúa Giê-su ra đời.
D. Là cách tính theo chu kì xoay quanh Mặt Trời.

Câu 4. Đây là ưu điểm của tư liệu truyền miệng?

- A. Tư liệu “câm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.
B. Có thể cho người sau biết được những gì quá khứ đã xảy ra và những gì đã học được và thậm chí có thể tạo ra một câu truyện mới.
C. Nội dung có thể bị thêm, bớt, có yếu tố kì ảo.
D. Tư liệu rõ ràng, chính xác.

Câu 5. Đây là nhược điểm của tư liệu chữ viết?

- A. Không có tư liệu viết vào thời kỳ khi chưa có chữ viết, nếu viết trên giấy thì khó bảo quản được nguyên vẹn với thời gian dài.
B. Tư liệu “câm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.
C. Tư liệu rõ ràng, chính xác.
D. Bổ sung các tư liệu để dựng lại lịch sử.

Câu 6. Môn Lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về nội dung nào?

- A. Tìm hiểu những hoạt động của loài người.
B. Tìm hiểu sự phát triển của con người.
C. Tìm hiểu những gì đã xảy ra quanh chúng ta.
D. Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người,

Câu 7. Ý nào sau đây không thuộc về lịch sử?

- A. Các lời tiên tri, dự báo tương lai. B. Hoạt động của một vương triều.
C. Sự hình thành các nền văn minh. D. Các cuộc chiến tranh thế giới.

Câu 8. Khi tìm hiểu lịch sử, nguồn tư liệu nào sau đây là đáng tin cậy nhất?

- A. Tư liệu gốc B. Tư liệu chữ viết
C. Tư liệu truyền miệng D. Tư liệu hiện vật

Câu 9. Ai là tác giả của 2 câu thơ sau:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

- A. Hồ Chí Minh B. Trường Chinh C. Võ Nguyên Giáp D. Phạm Văn Đồng

Câu 10. Quá trình chuyển hóa từ vượn người thành người trải qua các giai đoạn nào?

- A. Vượn cổ => Người tinh khôn => Người tối cổ.
B. Người tối cổ => Người tinh khôn => Vượn cổ.
C. Người tối cổ => Vượn cổ => Người tinh khôn.
D. Vượn cổ => Người tối cổ => Người tinh khôn.

Câu 11. Đây là cách ghi đúng để ghi tỉ lệ bản đồ?

- A. 1-1000. B. 1/1000. C. 1:1000. D. 1x1000.

Câu 12. Cho biết bản đồ A có tỉ lệ là 1 : 500.000, bản đồ B có tỉ lệ là 1 : 20.000.000. So sánh tỉ lệ và mức độ thể hiện các đối tượng địa lí giữa bản đồ A với bản đồ B.

- A. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.
B. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.
C. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.
D. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.

Câu 13. Đường kinh tuyến gốc 0^0 đi qua đài thiên văn Grin-uyt thuộc quốc gia nào sau đây?

- A. Anh. B. Nga. C. Đức. D. Ý.

Câu 14. Dựa vào đâu để xác định vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam

- A. Đường Xích đạo. B. Chí tuyến Nam. C. Chí tuyến Bắc. D. Kinh tuyến gốc.

Câu 15. Các dạng biểu hiện của tỉ lệ bản đồ gồm

- A. tỉ lệ khoảng cách và tỉ lệ thước. B. tỉ lệ thức và tỉ lệ khoảng cách.
C. tỉ lệ số và tỉ lệ thước. D. tỉ lệ số và tỉ lệ thức.

Câu 16. Khoảng cách được mô tả trên bản đồ có mối quan hệ như thế nào với khoảng cách ngoài thực tế?

- A. Được thu nhỏ theo một tỉ lệ nhất định.
B. Luôn nhỏ hơn.
C. Có thể giống hoặc khác khoảng cách ngoài thực tế.
D. Không có mối liên hệ gì.

Câu 17. Cho điểm X (60^0 B, 35^0 T), điểm này nằm ở

- A. Bán cầu Nam và nửa cầu Tây. B. Bán cầu Bắc và nửa cầu Tây
C. Bán cầu Bắc và nửa cầu Đông. D. Bán cầu Nam và nửa cầu Đông.

Câu 18. Các kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc được gọi là kinh tuyến

- A. Bắc. B. Đông. C. Nam. D. Tây.

Câu 19. Kí hiệu nào sau đây thể hiện một vật (trâu, bò, hươu, gấu) trên bản đồ?

- A. Kí hiệu chữ. B. Kí hiệu hình học.
C. Kí hiệu đường. D. Kí hiệu tượng hình.

Câu 20. Đối với bản đồ không có hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến người ta dựa vào đâu để xác định phương hướng trên bản đồ?

- A. Mũi tên chỉ hướng Nam. B. Mũi tên chỉ hướng Đông.
C. Mũi tên chỉ hướng Bắc. D. Mũi tên chỉ hướng Tây.

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai vào giấy kiểm tra.

Câu 1.

- A. Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra cách quãng.
B. Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất.
C. Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước; hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay.
D. Lịch sử giúp chúng ta lặp lại những sai lầm trong quá khứ.

Câu 2.

- A. Tọa độ địa lí của một điểm là kinh độ, vĩ độ đi qua điểm đó.
B. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc.
C. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.
D. Tọa độ địa lí của một điểm là khoảng cách kinh tuyến và vĩ tuyến của điểm đó.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm)

- a. Lịch sử là gì? Vì sao phải học lịch sử?
b. Năm 2300 TCN cách năm 2024 bao nhiêu năm?

Câu 4 (1.5 điểm)

- a. Cho bản đồ hành chính Hà Nội ghi tỉ lệ là 1 : 200.000, trên bản đồ đó người ta đo được khoảng cách từ Long Biên đến Sóc Sơn là 5 cm. Vậy khoảng cách thực tế 2 địa điểm trên là bao nhiêu km?
b. Tại sao một số vùng đất trên thế giới khi thể hiện trên bản đồ thì hình dạng lại khác với hình dạng thực trên bề mặt đất?

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Môn Lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về nội dung nào?

- A. Tìm hiểu sự phát triển của con người.
- B. Tìm hiểu những hoạt động của loài người.
- C. Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người,
- D. Tìm hiểu những gì đã xảy ra quanh chúng ta.

Câu 2. Ý nào sau đây không thuộc về lịch sử?

- A. Hoạt động của một vương triều.
- B. Các cuộc chiến tranh thế giới.
- C. Các lời tiên tri, dự báo tương lai.
- D. Sự hình thành các nền văn minh.

Câu 3. Đây là ưu điểm của tư liệu truyền miệng?

- A. Nội dung có thể bị thêm, bớt, có yếu tố kì ảo.
- B. Tư liệu “câm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.
- C. Có thể cho người sau biết được những gì quá khứ đã xảy ra và những gì đã học được và thậm chí có thể tạo ra một câu chuyện mới.
- D. Tư liệu rõ ràng, chính xác.

Câu 4. Đây là nhược điểm của tư liệu chữ viết?

- A. Tư liệu rõ ràng, chính xác.
- B. Không có tư liệu viết vào thời kỳ khi chưa có chữ viết, nếu viết trên giấy thì khó bảo quản được nguyên vẹn với thời gian dài.
- C. Tư liệu “câm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.
- D. Bổ sung các tư liệu để dựng lại lịch sử.

Câu 5. Các tác phẩm *Đại Việt sử ký*, *Đại Việt sử ký toàn thư*... thuộc loại hình tư liệu nào?

- A. Tư liệu ghi âm.
- B. Tư liệu chữ viết
- C. Tư liệu ghi hình.
- D. Tư liệu truyền miệng.

Câu 6. Quá trình chuyển hóa từ vượn người thành người trải qua các giai đoạn nào?

- A. Vượn cổ => Người tối cổ => Người tinh khôn.
- B. Người tối cổ => Người tinh khôn => Vượn cổ.
- C. Người tối cổ => Vượn cổ => Người tinh khôn.
- D. Vượn cổ => Người tinh khôn => Người tối cổ.

Câu 7. Khi tìm hiểu lịch sử, nguồn tư liệu nào sau đây là đáng tin cậy nhất?

- A. Tư liệu hiện vật
- B. Tư liệu gốc
- C. Tư liệu chữ viết
- D. Tư liệu truyền miệng

Câu 8. Âm lịch được tính theo cách nào?

- A. Là cách tính lấy năm chúa Giê-su ra đời.
- B. Là cách tính theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.
- C. Là cách tính theo chu kì xoay quanh Mặt Trời.
- D. Là cách tính theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất.

Câu 9. Năm 2021 thuộc thế kỉ thứ bao nhiêu?

- A. Thế kỉ XXII
- B. Thế kỉ XX
- C. Thế kỉ XIX
- D. Thế kỉ XXI

Câu 10. Ai là tác giả của 2 câu thơ sau:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

- A. Hồ Chí Minh
- B. Phạm Văn Đồng
- C. Võ Nguyên Giáp
- D. Trường Chinh

Câu 11. Đường kinh tuyến gốc 0° đi qua đài thiên văn Grin-uyt thuộc quốc gia nào sau đây?

- A. Đức.
- B. Nga.
- C. Ý.
- D. Anh.

Câu 12. Cho biết bản đồ A có tỉ lệ là 1 : 500.000, bản đồ B có tỉ lệ là 1 : 20.000.000. So sánh tỉ lệ và mức độ thể hiện các đối tượng địa lí giữa bản đồ A với bản đồ B.

- A. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.
- B. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.
- C. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.
- D. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.

Câu 13. Các kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc được gọi là kinh tuyến

- A. Đông. B. Nam. C. Tây. D. Bắc.

Câu 14. Đầu là cách ghi đúng để ghi tỉ lệ bản đồ?

- A. 1-1000. B. 1/1000. C. 1x1000. D. 1:1000.

Câu 15. Đối với bản đồ không có hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến, dựa vào đâu để xác định phương hướng trên bản đồ?

- A. Mũi tên chỉ hướng Bắc. B. Mũi tên chỉ hướng Đông.
C. Mũi tên chỉ hướng Tây. D. Mũi tên chỉ hướng Nam.

Câu 16. Khoảng cách được mô tả trên bản đồ có mối quan hệ như thế nào với khoảng cách ngoài thực tế?

- A. Có thể giống hoặc khác khoảng cách ngoài thực tế.
B. Được thu nhỏ theo một tỉ lệ nhất định.
C. Không có mối liên hệ gì.
D. Luôn nhỏ hơn.

Câu 17. Các dạng biểu hiện của tỉ lệ bản đồ gồm

- A. tỉ lệ thức và tỉ lệ khoảng cách. B. tỉ lệ số và tỉ lệ thức.
C. tỉ lệ số và tỉ lệ thước. D. tỉ lệ khoảng cách và tỉ lệ thước.

Câu 18. Dựa vào đâu để xác định vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam

- A. Chí tuyến Bắc. B. Đường Xích đạo. C. Chí tuyến Nam. D. Kinh tuyến gốc.

Câu 19. Cho điểm X (60°B, 35°T), điểm này nằm ở

- A. Bán cầu Bắc và nửa cầu Tây. B. Bán cầu Nam và nửa cầu Đông.
C. Bán cầu Nam và nửa cầu Đông. D. Bán cầu Bắc và nửa cầu Đông.

Câu 20. Kí hiệu nào sau đây thể hiện một vật (trâu, bò, hươu, gấu) trên bản đồ?

- A. Kí hiệu đường. B. Kí hiệu tượng hình.
C. Kí hiệu hình học. D. Kí hiệu chữ.

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai vào giấy kiểm tra.

- A. Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra cách quãng.
B. Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước; hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay.
C. Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất.
D. Lịch sử giúp chúng ta lặp lại những sai lầm trong quá khứ.

Câu 2.

- A. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.
B. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc.
C. Tọa độ địa lí của một điểm là kinh độ, vĩ độ đi qua điểm đó.
D. Tọa độ địa lí của một điểm là khoảng cách kinh tuyến và vĩ tuyến của điểm đó.

II. TỰ LUẬN(3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a. Lịch sử là gì? Vì sao phải học lịch sử?
b. Năm 3000 TCN cách năm 2024 bao nhiêu năm?

Câu 2. (1,5 điểm)

- a. Cho bản đồ hành chính Hà Nội ghi tỉ lệ là 1 : 200.000, trên bản đồ đó người ta đo được khoảng cách từ Long Biên đến Đông Anh là 3 cm. Vậy khoảng cách thực tế 2 địa điểm trên là bao nhiêu km?
b. Tại sao một số vùng đất trên thế giới khi thể hiện trên bản đồ thì hình dạng lại khác với hình dạng thực trên bề mặt đất?

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA QUẤT
MÃ ĐỀ LS&DL604**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ
Năm học: 2024 - 2025
Thời gian làm bài: 60 phút
Ngày thi: 29/10/2024**

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Các tác phẩm Đại Việt sử ký, Đại Việt sử ký toàn thư... thuộc loại hình tư liệu nào?

- A. Tư liệu ghi âm. B. Tư liệu chữ viết
C. Tư liệu ghi hình. D. Tư liệu truyền miệng.

Câu 2. Quá trình chuyển hóa từ vượn người thành người trải qua các giai đoạn nào?

- A. Người tối cổ => Người tinh khôn => Vượn cổ.
B. Vượn cổ => Người tinh khôn => Người tối cổ.
C. Người tối cổ => Vượn cổ => Người tinh khôn.
D. Vượn cổ => Người tối cổ => Người tinh khôn.

Câu 3. Năm 2021 thuộc thế kỉ thứ bao nhiêu?

- A. Thế kỉ XIX B. Thế kỉ XXII C. Thế kỉ XX D. Thế kỉ XXI

Câu 4. Khi tìm hiểu lịch sử, nguồn tư liệu nào sau đây là đáng tin cậy nhất?

- A. Tư liệu hiện vật B. Tư liệu chữ viết
C. Tư liệu gốc D. Tư liệu truyền miệng

Câu 5. Đây là nhược điểm của tư liệu chữ viết?

- A. Bổ sung các tư liệu để dựng lại lịch sử.
B. Không có tư liệu viết vào thời kỳ khi chưa có chữ viết, nếu viết trên giấy thì khó bảo quản được nguyên vẹn với thời gian dài.
C. Tư liệu “câm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.
D. Tư liệu rõ ràng, chính xác.

Câu 6. Ai là tác giả của 2 câu thơ sau:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

- A. Hồ Chí Minh B. Võ Nguyên Giáp. C. Phạm Văn Đồng D. Trường Chinh

Câu 7. Ý nào sau đây không thuộc về lịch sử?

- A. Hoạt động của một vương triều. B. Các cuộc chiến tranh thế giới.
C. Sự hình thành các nền văn minh. D. Các lời tiên tri, dự báo tương lai.

Câu 8. Đây là ưu điểm của tư liệu truyền miệng?

- A. Nội dung có thể bị thêm, bớt, có yếu tố kì ảo.
B. Tư liệu “câm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.
C. Có thể cho người sau biết được những gì quá khứ đã xảy ra và những gì đã học được và thậm chí có thể tạo ra một câu truyện mới.
D. Tư liệu rõ ràng, chính xác.

Câu 9. Âm lịch được tính theo cách nào?

- A. Là cách tính theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất.
B. Là cách tính theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.
C. Là cách tính theo chu kì xoay quanh Mặt Trời.
D. Là cách tính lấy năm chúa Giê-su ra đời.

Câu 10. Môn Lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về nội dung nào?

- A. Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người,
B. Tìm hiểu những gì đã xảy ra quanh chúng ta.
C. Tìm hiểu những hoạt động của loài người.
D. Tìm hiểu sự phát triển của con người.

Câu 11. Các dạng biểu hiện của tỉ lệ bản đồ gồm

- A. tỉ lệ thức và tỉ lệ khoảng cách.
B. tỉ lệ số và tỉ lệ thức.
C. tỉ lệ số và tỉ lệ thước.
D. tỉ lệ khoảng cách và tỉ lệ thước.

Câu 12. Cho biết bản đồ A có tỉ lệ là 1 : 500.000, bản đồ B có tỉ lệ là 1 : 20.000.000. So sánh tỉ lệ và mức độ thể hiện các đối tượng địa lí giữa bản đồ A với bản đồ B.

- A. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.
- B. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.
- C. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.
- D. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.

Câu 13. Trong các cách ghi sau, cách ghi đúng để ghi tỉ lệ bản đồ là

- A. 1x1000.
- B. 1-1000.
- C. 1/1000.
- D. 1:1000.

Câu 14. Khoảng cách được mô tả trên bản đồ có mối quan hệ như thế nào với khoảng cách ngoài thực tế?

- A. Có thể giống hoặc khác khoảng cách ngoài thực tế.
- B. Được thu nhỏ theo một tỉ lệ nhất định.
- C. Luôn nhỏ hơn.
- D. Không có mối liên hệ gì.

Câu 15. Cho điểm X (60°B, 35°T), điểm này nằm ở

- A. Bán cầu Bắc và nửa cầu Tây
- B. Bán cầu Bắc và nửa cầu Đông.
- C. Bán cầu Nam và nửa cầu Đông.
- D. Bán cầu Nam và nửa cầu Đông.

Câu 16. Đường kinh tuyến gốc 0° đi qua đài thiên văn Grin-uyt thuộc quốc gia nào sau đây?

- A. Đức.
- B. Nga.
- C. Anh.
- D. Ý.

Câu 17. Dựa vào đâu để xác định vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam

- A. Kinh tuyến gốc.
- B. Chí tuyến Bắc.
- C. Chí tuyến Nam.
- D. Đường Xích đạo.

Câu 18. Các kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc được gọi là kinh tuyến

- A. Tây.
- B. Đông.
- C. Nam.
- D. Bắc.

Câu 19. Đối với bản đồ không có hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến, dựa vào đâu để xác định phương hướng trên bản đồ?

- A. Mũi tên chỉ hướng Đông.
- B. Mũi tên chỉ hướng Tây.
- C. Mũi tên chỉ hướng Nam.
- D. Mũi tên chỉ hướng Bắc.

Câu 20. Kí hiệu nào sau đây thể hiện một vật (trâu, bò, hươu, gấu) trên bản đồ?

- A. Kí hiệu tượng hình.
- B. Kí hiệu đường.
- C. Kí hiệu chữ.
- D. Kí hiệu hình học.

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (1,0 điểm)

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai vào giấy kiểm tra.

Câu 1.

- A. Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra cách quãng.
- B. Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất.
- C. Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước; hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay.
- D. Lịch sử giúp chúng ta lặp lại những sai lầm trong quá khứ.

Câu 2.

- A. Tọa độ địa lí của một điểm là kinh độ, vĩ độ đi qua điểm đó.
- B. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc.
- C. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.
- D. Tọa độ địa lí của một điểm là khoảng cách kinh tuyến và vĩ tuyến của điểm đó.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a. Lịch sử là gì? Vì sao phải học lịch sử?
- b. Năm 2300 TCN cách năm 2024 bao nhiêu năm?

Câu 2. (1,5 điểm)

- a. Cho bản đồ hành chính Hà Nội ghi tỉ lệ là 1 : 200.000, trên bản đồ đó người ta đo được khoảng cách từ Long Biên đến Sóc Sơn là 5 cm. Vậy khoảng cách thực tế 2 địa điểm trên là bao nhiêu km?
- b. Tại sao một số vùng đất trên thế giới khi thể hiện trên bản đồ thì hình dạng lại khác với hình dạng thực trên bề mặt đất?

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA QUẤT
ĐỀ DỰ PHÒNG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ
Năm học: 2024 - 2025
Thời gian làm bài: 60 phút
Ngày thi: 29/10/2024

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Lịch sử là gì?

- A. Là những gì vừa xảy ra.
B. Là những gì đang xảy ra.
C. Là những gì đã xảy ra.
D. Là những gì xảy ra trong tương lai.

Câu 2. Học lịch sử giúp em tìm hiểu nội dung nào?

- A. chu kì chuyển động của các thiên thể trong vũ trụ.
B. sự biến đổi của môi trường, khí hậu qua thời gian.
C. cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ...
D. sự sinh trưởng của các loài sinh vật trên Trái Đất.

Câu 3. Người tinh khôn xuất hiện cách ngày nay khoảng bao nhiêu năm?

- A. Xuất hiện cách ngày nay khoảng 13 vạn năm
B. Xuất hiện cách ngày nay khoảng 14 vạn năm
C. Xuất hiện cách ngày nay khoảng 15 vạn năm
D. Xuất hiện cách ngày nay khoảng 16 vạn năm

Câu 4. Các em hãy quan sát bia Tiến sĩ qua hình ảnh dưới đây. Hãy cho biết, đây thuộc loại hình tư liệu nào?



- A. Tư liệu truyền miệng.
B. Tư liệu hiện vật.
C. Tư liệu ghi âm.
D. Tư liệu ghi hình.

Câu 5. Nguyên tắc cơ bản quan trọng đầu tiên trong việc tìm hiểu và học tập lịch sử là gì?

- A. Xác định thời gian xảy ra các sự kiện.
B. Xác định nơi xảy ra các sự kiện.
C. Xác định nhân vật lịch sử.
D. Xác định nội dung.

Câu 6. Đầu là cách người xưa xác định thời gian trong lịch sử?

- A. Xác định bằng đồng hồ điện tử.
B. Xác định bằng điện thoại thông minh
C. Xác định bằng internet.
D. Xác định bằng đồng hồ cát, đồng hồ nước.

Câu 7. Đầu là ưu điểm của tư liệu truyền miệng?

- A. Nội dung có thể bị thêm, bớt, có yếu tố kì ảo.
B. Tư liệu rõ ràng, chính xác.
C. Có thể cho người sau biết được những gì quá khứ đã xảy ra và những gì đã học được và thậm chí có thể tạo ra một câu chuyện mới.
D. Tư liệu “cầm”, thường không còn nguyên vẹn, đầy đủ.

Câu 8. Dương lịch được tính theo cách nào?

- A. Là cách tính theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.
B. Là cách tính theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất.
C. Là cách tính lấy năm chúa Giê-su ra đời.
D. Là cách tính theo chu kì xoay quanh Mặt Trời.

Câu 9. Năm 1990 thuộc thế kỉ thứ bao nhiêu?

- A. Thế kỉ XIX
B. Thế kỉ XX
C. Thế kỉ XXI
D. Thế kỉ XXII

Câu 10. Người tối cổ có đặc điểm nào thay đổi rõ rệt về ngoại hình?

- A. Người tối cổ đã hầu như hoàn toàn đi đứng bằng hai tay.
B. Người tối cổ hầu như đi đứng bằng hai chi trước, hai chi sau.
C. Người tối cổ đã hầu như hoàn toàn đi đứng bằng hai chân, tay tự do sử dụng công cụ, tìm kiếm thức ăn.
D. Người tối cổ đã hầu như hoàn toàn đi đứng bằng tay, chân tự do sử dụng công cụ, tìm kiếm thức ăn.

Câu 11. Đường kinh tuyến gốc 0° đi qua đài thiên văn Grin-uyt thuộc quốc gia nào sau đây?

- A. Đức.
B. Nga.
C. Anh.
D. Ý.

Câu 12. Các kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc được gọi là kinh tuyến

- A. Đông. B. Tây. C. Nam. D. Bắc.

Câu 13. Dựa vào đâu để xác định vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam

- A. Đường Xích đạo. C. Chí tuyến Nam.
B. Chí tuyến Bắc. D. Kinh tuyến gốc.

Câu 14. Cho điểm X (60°B, 35°T), điểm này nằm ở

- A. Bán cầu Nam và nửa cầu Đông. C. Bán cầu Bắc và nửa cầu Tây
B. Bán cầu Nam và nửa cầu Đông. D. Bán cầu Bắc và nửa cầu Đông.

Câu 15. Đối với bản đồ không có hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến, dựa vào đâu để xác định phương hướng trên bản đồ?

- A. Mũi tên chỉ hướng Bắc. C. Mũi tên chỉ hướng Đông.
B. Mũi tên chỉ hướng Nam. D. Mũi tên chỉ hướng Tây.

Câu 16. Trong các cách ghi sau, cách ghi đúng để ghi tỉ lệ bản đồ là

- A. 1/1000. B. 1-1000. C. 1x1000. D. 1:1000.

Câu 17. Các dạng biểu hiện của tỉ lệ bản đồ gồm

- A. tỉ lệ số và tỉ lệ thức. C. tỉ lệ thức và tỉ lệ khoảng cách.
B. tỉ lệ khoảng cách và tỉ lệ thước. D. tỉ lệ số và tỉ lệ thước.

Câu 18. Khoảng cách được mô tả trên bản đồ có mối quan hệ như thế nào với khoảng cách ngoài thực tế?

- A. Luôn nhỏ hơn.
B. Có thể giống hoặc khác khoảng cách ngoài thực tế.
C. Được thu nhỏ theo một tỉ lệ nhất định.
D. Không có mối liên hệ gì.

Câu 19. Cho biết bản đồ A có tỉ lệ là 1 : 500.000, bản đồ B có tỉ lệ là 1 : 20.000.000. So sánh tỉ lệ và mức độ thể hiện các đối tượng địa lí giữa bản đồ A với bản đồ B.

- A. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.
B. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện ít hơn.
C. Bản đồ A có tỉ lệ bé hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.
D. Bản đồ A có tỉ lệ lớn hơn và các đối tượng địa lí được biểu hiện chi tiết hơn.

Câu 20. Để thể hiện một con vật (trâu, bò, hươu) trên bản đồ, người ta dùng kí hiệu nào sau đây?

- A. Kí hiệu tượng hình. C. Kí hiệu hình học.
B. Kí hiệu đường. D. Kí hiệu chữ.

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai vào giấy kiểm tra.

Câu 1.

- A. Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất.
B. Lịch sử giúp chúng ta lặp lại những sai lầm trong quá khứ.
C. Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước; hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay.
D. Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra cách quãng.

Câu 2.

- A. Tọa độ địa lí của một điểm là khoảng cách kinh tuyến và vĩ tuyến của điểm đó.
B. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.
C. Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng số độ từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc.
D. Tọa độ địa lí của một điểm là kinh độ, vĩ độ đi qua điểm đó.

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a. Lịch sử là gì? Vì sao phải học lịch sử?
b. Năm 3000 TCN cách năm 2024 bao nhiêu năm?

Câu 2. (1,5 điểm)

- a. Cho bản đồ hành chính Hà Nội ghi tỉ lệ là 1 : 200.000. Trên bản đồ đó, người ta đo được khoảng cách từ Long Biên đến Đông Anh là 3 cm. Vậy khoảng cách thực tế 2 địa điểm trên là bao nhiêu km?
b. Tại sao hình dạng của một số vùng đất trên thế giới khi thể hiện trên bản đồ khác với hình dạng thực trên bề mặt đất?

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA QUÁT

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6
Năm học: 2024 - 2025

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm): *Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
LS&DL601	C	C	D	B	B	A	D	D	D	A	D	A	B	B	B	B	A	A	B	B
LS&DL603	C	C	C	B	D	A	B	D	D	A	D	D	C	D	A	B	C	B	A	B

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

	Câu 1				Câu 2			
Lệnh hỏi	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án	Sai	Đúng	Đúng	Sai	Đúng	Sai	Đúng	Sai

Phần II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,5 điểm)	a.	
	- Lịch sử là: + Tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ. + Lịch sử còn được hiểu là một khoa học nghiên cứu và phục dựng lại lịch sử.	0,25 0,25
	- Học lịch sử: + Giúp chúng ta hiểu về quá khứ cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ và rộng hơn là của dân tộc, nhân loại. + Rút ra những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai.	0,25 0,25
	b. Muốn biết năm 3000 TCN cách năm hiện tại bao nhiêu năm thì em sẽ tính: $2024 + 3000 = 5024$ (năm)	0,5
Câu 2 (1,5 điểm)	a. Khoảng cách thực tế từ Long Biên đến Đông Anh là: $3 \times 200.000 = 600.000 \text{ cm}$ $= 6 \text{ km}$	1,0
	b. Một số vùng đất trên bản đồ có sự khác so với hình dạng thực trên bề mặt đất vì: Khi vẽ bản đồ, mặt cong của bề mặt Trái Đất được chuyển thành mặt phẳng ở trên bản đồ do vậy các vùng đất được biểu hiện trên bản đồ có sự biến dạng nhất định so với hình dạng thực trên bề mặt Trái Đất.	0.5

Ban Giám hiệu

Tổ CM

Nhóm CM

Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thu Thủy

Nguyễn Thị Tiệp Bùi Thị Thứ

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
LS&DL602	A	B	A	B	A	D	A	A	A	D	C	C	A	A	C	A	A	D	D	C
LS&DL604	A	D	D	C	B	A	D	C	A	A	C	D	D	B	A	C	D	A	D	A

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

	Câu 1				Câu 2			
Lệnh hỏi	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án	Sai	Đúng	Đúng	Sai	Đúng	Sai	Đúng	Sai

Phần III. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,5 điểm)	a.	
	- Lịch sử là: + Tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ. + Lịch sử còn được hiểu là một khoa học nghiên cứu và phục dựng lại lịch sử.	0,25 0,25
	- Học lịch sử: + Giúp chúng ta hiểu về quá khứ cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ và rộng hơn là của dân tộc, nhân loại. + Rút ra những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai.	0,25 0,25
	b. Muốn biết năm 2300 TCN cách năm hiện tại bao nhiêu năm thì em sẽ tính: $2024 + 2300 = 4324$ (năm)	0,5
Câu 2 (1,5 điểm)	a. Khoảng cách thực tế từ Long Biên đến Sóc Sơn là: $5 \times 200.000 = 1.000.000 \text{ cm}$ $= 10 \text{ km}$	1,0
	b. Một số vùng đất trên bản đồ có sự khác so với hình dạng thực trên bề mặt đất vì: Khi vẽ bản đồ, mặt cong của bề mặt Trái Đất được chuyển thành mặt phẳng ở trên bản đồ do vậy các vùng đất được biểu hiện trên bản đồ có sự biến dạng nhất định so với hình dạng thực trên bề mặt Trái Đất.	0,5

Ban Giám hiệu

Tổ CM

Nhóm CM

Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thu Thủy

Nguyễn Thị Tiệp Bùi Thị Thứ

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA QUÁT
MÃ ĐỀ DỰ PHÒNG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6
Năm học: 2024 - 2025

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
DỰ PHÒNG	C	C	C	B	A	D	C	A	B	C	C	B	A	D	A	D	D	C	D	A

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

	Câu 1				Câu 2			
Lệnh hỏi	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án	Đúng	Sai	Đúng	Sai	Đúng	Sai	Đúng	Sai

Phần III. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,5 điểm)	a.	
	- Lịch sử là: + Tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ. + Lịch sử còn được hiểu là một khoa học nghiên cứu và phục dựng lại lịch sử.	0,25 0,25
	- Học lịch sử: + Giúp chúng ta hiểu về quá khứ cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ và rộng hơn là của dân tộc, nhân loại. + Rút ra những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai.	0,25 0,25
	b. Muốn biết năm 3000 TCN cách năm hiện tại bao nhiêu năm thì em sẽ tính: $2024 + 3000 = 5024$ (năm)	0,5
Câu 2 (1,5 điểm)	a. Khoảng cách thực tế từ Long Biên đến Đông Anh là: $3 \times 200.000 = 600.000 \text{ cm}$ $= 6 \text{ km}$	1,0
	b. Một số vùng đất trên bản đồ có sự khác so với hình dạng thực trên bề mặt đất vì: Khi vẽ bản đồ, mặt cong của bề mặt Trái Đất được chuyển thành mặt phẳng ở trên bản đồ do vậy các vùng đất được biểu hiện trên bản đồ có sự biến dạng nhất định so với hình dạng thực trên bề mặt Trái Đất.	0,5

Ban Giám hiệu

Tổ CM

Nhóm CM

Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thu Thủy

Nguyễn Thị Tiệp Bùi Thị Thứ